

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNST.

Ngày: 14/5/2024.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Tuyết Mai.**

Ông **Lê Văn Thành.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nhâm Thị Thanh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Thị Nhu** – kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐST-HN, ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-HN ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thu C**, sinh năm: 1989. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 74 đường Nguyễn Thái H, phường TA, quận NK, thành phố CT.

Địa chỉ liên hệ: Số 40 đường 30 tháng 4, thị trấn Kế S, huyện Kế S, tỉnh ST.

Bị đơn: Ông **Nguyễn K**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 187, đường B4, khu dân cư HP, phường HP, quận CR, thành phố CT. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thu C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn quen biết nhau là do tình cờ, tìm hiểu được khoảng 03 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TA, quận NK, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 12/12/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng cũng ngày càng phai nhạt và cho đến nay thì tình cảm vợ chồng đã không còn nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Khánh.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Nguyễn Duy K (nam), sinh ngày 10/7/2015. Nguyên đơn xin được nuôi cháu K và không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và cũng không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi cho Tòa án xem xét.

Do vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên Tòa án tiến hành việc công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và kiên quyết ly hôn.

* Bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Nguyễn K vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 12/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường TA, quận NK, thành phố CT nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn

không đến và cũng không có gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến của mình để được xem xét. Điều đó cho thấy bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Cúc là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về con chung:

Nguyên đơn bà Trần Thu Cúc xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Duy K (nam), sinh ngày 10/7/2015 và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Xét thấy, bà C có đủ điều kiện nuôi con chung và hiện cháu K cũng đang chung sống với bà C, đồng thời cháu K cũng có nguyện vọng muốn được chung sống với bà C. Do đó, để không thay đổi môi trường sống và sinh hoạt thường ngày của cháu K, xét thấy cần phải giao con chung cho nguyên đơn được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, do ông K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình để được xem xét nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn ông Nguyễn K theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thu C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Cúc đã nộp theo biên lai thu số 0003222 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53, điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thu C.*
 2. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thu C được ly hôn với ông Nguyễn K.
 3. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Duy K (nam), sinh ngày 10/7/2015 cho bà Trần Thu C được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu K đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn K theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
 4. *Về tài sản chung:* Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
 5. *Về nợ chung:* Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
 6. *Về án phí:* Nguyên đơn bà Trần Thu C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0003222 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.
 7. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA

Huỳnh Thị Kim Xuân